

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số: **716** /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày **14** tháng **3** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Tháp CT1&CT2 - Đà Nẵng Times Square

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Tháp CT1&CT2 - Đà Nẵng Times Square đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 06/2021/CV-KLN ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Công ty Cổ phần Kim Long Nam,

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số **86** /TTr-STNMT ngày **10** tháng **02** năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Tháp CT1&CT2 - Đà Nẵng Times Square (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Kim Long Nam (Chủ dự án) thực hiện tại địa điểm: lô CT1 và lô CT2 -

Dự án Đà Nẵng Times Square, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch UBND thành phố về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Tháp CT1&2 - Đà Nẵng Times Square”.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND quận Sơn Trà; Chủ tịch UBND phường Phước Mỹ; Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường; Chủ dự án; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ TN & MT (báo cáo);
- CT và các PCT UBND thành phố (báo cáo);
- VP UBND TP (để biết);
- Cổng Thông tin điện tử thành phố (đăng tải);
- Lưu: VT, STNMT.



**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Nam

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN THÁP CT1&CT2 - ĐÀ NẴNG TIMES SQUARE
(Kèm theo Quyết định số 716 /QĐ-UBND ngày 04 / 3 /2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án

Tháp CT1&CT2 - Đà Nẵng Times Square

2. Chủ dự án

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Kim Long Nam
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà Đà Nẵng Plaza, 16 Trần Phú, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0236.3575.757
- Đại diện theo pháp luật: (Ông) Trương Đình Trung
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

3. Địa điểm thực hiện

Dự án Tháp CT1&CT2 - Đà Nẵng Times Square được thực hiện tại địa điểm: lô CT1 và lô CT2 - Dự án Đà Nẵng Times Square, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

4. Phạm vi, quy mô của dự án

- a) Tổng diện tích dự án: 5.295 m².
- b) Quy mô xây dựng: 02 tòa tháp, tháp CT1 cao 50 tầng và 01 tum thang, tháp CT2 cao 50 tầng và 01 tum thang, 02 tòa tháp có chung 02 tầng hầm và khối đế 05 tầng.
- c) Quy mô dự án: bố trí tổng số căn hộ là 1.258 căn (trong đó căn hộ chung cư là 1.250 căn, căn hộ ở kết hợp thương mại là 8 căn).

Hiện trạng dự án: Đã xây dựng xong phần thô công trình.

5. Các hạng mục công trình chính

Tầng	Thông số	Hạng mục
Tầng hầm		
Tầng hầm B2	Diện tích: 4.956,2 m ² Chiều cao: 4,8 m	Bãi đỗ xe
		Khu kỹ thuật, bể nước ngầm
		Sảnh nhập hàng và trục thang kỹ thuật
		Hệ thống xử lý nước thải tập trung, bể tách mỡ
		Hệ thống giao thông và các khu phụ trợ khác (kho, phòng bơm, phòng đông lạnh...)

Tầng hầm B1	Diện tích: 4.956,2 m ² Chiều cao: 4,8 m	Bãi đỗ xe
		Phòng kỹ thuật điện nhẹ
		Sảnh nhập hàng và trục thang kỹ thuật.
		Phòng kỹ thuật xử lý nước thải
		Nhà chứa rác tổng
		Phòng máy biến thế
		Hệ thống giao thông và các khu phụ trợ khác (phòng bơm PCCC, phòng bơm, phòng điện, bảo vệ...)
Khối đế		
Tầng 1	Diện tích: 2.550 m ² Chiều cao: 4,8 m	Căn hộ ở kết hợp thương mại (8 căn trong đó 5 căn 2 tầng)
		Gian hàng, trung tâm thương mại
		Sảnh căn hộ, sảnh nhà trẻ, sảnh giải khát ngoài trời
		Khu vệ sinh, khu phụ trợ và hệ thống giao thông (sảnh, hành lang,...)
Tầng 2	Diện tích: 2.170 m ² Chiều cao: 4,8 m	Căn hộ ở kết hợp thương mại (5 căn tầng 2)
		Khu vực nhà trẻ, lớp học, khu phụ trợ y tế
		Gian hàng
		Khu vệ sinh, hệ thống giao thông (sảnh, hành lang,...) và khu vực phụ trợ
Tầng 3	Diện tích: 2.904 m ² Chiều cao: 4,8 m	Gian hàng
		Khu kỹ thuật
		Khu vệ sinh, hệ thống giao thông (sảnh, hành lang,...) và khu vực phụ trợ
Tầng 4	Diện tích: 2.556 m ² Chiều cao: 7,9 m	Rạp chiếu phim, phòng tử điện
		Khu vệ sinh, hệ thống giao thông (sảnh, hành lang,...) và khu vực phụ trợ
Tầng 5	Diện tích: 2.528 m ² Chiều cao: 9,25 m	Hồ bơi (trẻ em và người lớn)
		Sinh hoạt cộng đồng
		Thang bộ, thang máy, phòng máy phát điện
		Khu vệ sinh, hệ thống giao thông (sảnh, hành lang,...) và khu vực phụ trợ
Khối tháp		
Tầng 6-18, 21-26	Diện tích: 2.212 - 2.230 m ² Chiều cao: 3,3 m	588 căn (28 căn/tầng × 21 tầng)
		Khu phụ trợ, khu vệ sinh và hệ thống giao thông
Tầng 19,35	Diện tích: 2.212 m ² Chiều cao: 3,3 m	52 căn (26 căn/tầng × 2 tầng)
		Khu phụ trợ, khu vệ sinh và hệ thống giao thông
Tầng	Diện tích: 2.211	24 căn hộ

27	m ² Chiều cao: 3,6 m	Khu phụ trợ, khu vệ sinh và hệ thống giao thông
Tầng 28-34, 36-49	Diện tích: 2.212 - 2.218 m ² Chiều cao: 3,3 m	616 căn (28 căn/tầng × 22 tầng) Khu phụ trợ, khu vệ sinh và hệ thống giao thông
Tầng 50	Diện tích: 2.211 m ² Chiều cao: 3,1 m	26 căn Khu phụ trợ, khu vệ sinh và hệ thống giao thông

II. CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHÍNH, CHẤT THẢI PHÁT SINH TỪ DỰ ÁN

1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng

a) Các tác động môi trường chính

- Ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước do nước thải từ: hoạt động vệ sinh phương tiện tại công trường, hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tại công trường; nước mưa chảy tràn trên bề mặt công trường; chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Ô nhiễm môi trường không khí do bụi, khí thải từ: hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, chất thải; hoạt động của máy móc thiết bị thi công tại công trình; giai đoạn hoàn thiện công trình.

- Ô nhiễm tiếng ồn phát sinh trong giai đoạn hoàn thiện các hạng mục công trình của dự án.

b) Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện tại công trường: tổng lưu lượng phát sinh khoảng 16 m³/ngày đêm với thành phần và nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Nồng độ	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)
1	pH	-	7,9	5,5 - 9
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	663,0	100
3	Dầu mỡ	mg/l	0,02	10

- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tại công trường: lưu lượng phát sinh khoảng 16 m³/ngày đêm với thành phần và nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng như sau:

Chất ô nhiễm	Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/l)	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
--------------	---------------------------------	-------------------------------

Chất rắn lơ lửng	100 - 350	100
BOD ₅	110 - 400	50
Nitơ của muối amoni	12 - 50	10
Phốt phát	8	10
Coliform	10 ⁶ - 10 ⁹ MNP/1.000 ml	5.000

c) Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Khí thải phát sinh từ: hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, chất thải; hoạt động của máy móc thiết bị thi công tại công trình; giai đoạn hoàn thiện công trình. Thành phần chính của khí thải: bụi, CO, NO_x, SO₂.

- Mùi, H₂S, CH₄, NH₃, axit amin hữu cơ, aldehyt hữu cơ, mercaptan phát sinh từ các buồng, rãnh thoát nước, điểm tập kết chất thải rắn và khu vệ sinh.

d) Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn xây dựng: chủ yếu gồm vỏ thùng xốp, bao bì các loại, giấy bìa cứng, thùng gỗ; khối lượng phát sinh trong giai đoạn hoàn thiện công trình khoảng 1.000 - 2.000 kg.

- Chất thải rắn sinh hoạt: chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy, các loại bao bì, giấy các loại, chai thủy tinh, vỏ lon nước giải khát, đồ hộp, rác thải vô cơ và hữu cơ khó phân hủy; khối lượng lớn nhất khoảng 130 kg/ngày.

- Chất thải nguy hại: chủ yếu là thùng sơn với khối lượng phát sinh trong giai đoạn hoàn thiện công trình khoảng 30 kg.

2. Trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

a) Các tác động môi trường chính

- Ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước do nước thải từ hoạt động sinh hoạt; nước mưa chảy tràn; chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại từ hoạt động tại dự án, bùn thải phát sinh từ công trình xử lý nước thải.

- Ô nhiễm môi trường không khí do bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án, hoạt động chế biến thực phẩm, hoạt động của các máy phát điện dự phòng, khu vực nhà vệ sinh, khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, công trình, thiết bị xử lý nước thải của dự án.

- Ô nhiễm tiếng ồn từ hoạt động của các máy móc, thiết bị.

- Các sự cố môi trường chính: sự cố đối với công trình, thiết bị xử lý nước thải của dự án; sự cố do cháy nổ.

b) Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải từ hoạt động của người dân và cán bộ, công nhân viên tại dự án: tổng lưu lượng nước thải phát sinh khoảng 653 m³/ngày.đêm với nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng như sau:

Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải (g/người.ngày)	Tổng thải lượng (kg/ngày)	Nồng độ (mg/l)	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
TSS	60 - 65	300 - 325	600 - 650	50
BOD ₅ của nước thải chưa lắng	65	325	650	100
Amoni	8	40	80	10
Photphat	3,3	16,5	33	10

Thành phần nước thải: chứa nhiều chất gây ô nhiễm như chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng, vi sinh vật gây bệnh, chất lây nhiễm.

- Nước thải từ quá trình rửa lọc hồ bơi: lưu lượng khoảng 1,7 m³/ngày.

c) Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Khí thải từ các phương tiện giao thông: thành phần chính gồm bụi, CO, SO₂, NO₂.

- Mùi, SO_x, NO_x, CO, THC, NH₃, H₂S phát sinh từ nhà vệ sinh, phòng chứa rác, hệ thống thu gom và xử lý nước thải, khu vực bếp của mỗi căn hộ, máy phát điện dự phòng.

d) Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

- Khối lượng: ước tính khoảng 4.557,6 kg/ngày đêm.

- Thành phần đặc trưng: thực phẩm thừa, giấy, bao bì các loại, kim loại, nhựa, chất vô cơ, chất hữu cơ khó phân hủy, các chất có thể đốt cháy.

đ) Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Khối lượng: ước tính khoảng 27,8 kg/tháng.

- Thành phần chính: dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt từ quá trình bảo trì bảo dưỡng các thiết bị kỹ thuật của dự án như máy phát điện, máy bơm, máy biến thế; mực in, hộp mực in; bóng đèn huỳnh quang thải, pin, ắc-quy thải, bo mạch điện tử, công tơ điện hỏng.

III. CÁC CÔNG TRÌNH VÀ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án

a) Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng.

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện tại công trường: lắp đặt bể lắng có kích thước L × B × H = 12 m × 4 m × 3 m. Nước thải sau khi lắng sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực.

- Nước thải sinh hoạt từ cán bộ, công nhân tại công trường: lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động tại công trường; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển chất thải từ nhà vệ sinh di động xử lý theo quy định.

b) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Lắp đặt hàng rào xung quanh khu vực công trường thi công.

- Che chắn công trình bằng màn che, lưới chắn trong suốt quá trình thi công xây dựng, đặc biệt khi thi công các tầng cao.

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh, phun nước giảm bụi các khu vực tại công trường thi công và khu vực xung quanh dự án.

- Che phủ bạt kín đối với tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải; chở đúng tải trọng quy định.

- Lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe vận chuyển được rửa sạch bùn đất dính bám trước khi ra khỏi công trường.

- Sử dụng thiết bị bảo hộ lao động thường xuyên.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 05:2013/BTNMT và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành khác có liên quan.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: lắp đặt các thiết bị lưu chứa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tại khu vực riêng trên công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý.

- Đối với chất thải rắn xây dựng:

+ Các loại bao bì, thùng xốp, thùng gỗ có thể tận dụng để thu gom bán phế liệu.

+ Chất thải rắn xây dựng còn lại được thu gom về lưu giữ tạm thời tại khu vực riêng trên công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đến các bãi tập kết chất thải rắn xây dựng theo quy định của thành phố.

- Chất thải nguy hại: lắp đặt các thiết bị lưu chứa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật để lưu giữ tại khu vực tập kết riêng biệt; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, lưu giữ và xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành khác có liên quan.

d) Công trình, biện pháp giảm thiểu các ô nhiễm khác

- Ô nhiễm tiếng ồn, độ rung: sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây ồn, các máy móc, thiết bị có bộ phận giảm ồn và giảm rung đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; thường xuyên kiểm tra và định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông, bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật và môi trường trước khi đưa vào vận hành; trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công dự án.

- Ô nhiễm do nước mưa chảy tràn: xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng tạm thời xung quanh khu đất dự án và đầu nối vào hệ thống thoát nước tại khu vực.

2. Trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

a) Về thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thu gom về công trình xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nước thải từ khu vực bếp căn hộ và nước thải từ hoạt động tắm, giặt được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ có thể tích 45,92 m³ trước khi thu gom về công trình xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nước thải từ quá trình rửa lọc hồ bơi: được thu gom đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của dự án.

- Toàn bộ nước thải phát sinh sau khi được xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 810 m³/ngày đêm (vị trí xây dựng: tầng hầm 2) để xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của thành phố trên đường Dương Đình Nghệ.

Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải công suất 810 m³/ngày đêm như sau:

Nước thải sau xử lý sơ bộ → Bể điều hòa → Bể hiếu khí sử dụng giá thể sinh học → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước của thành phố.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 14:2008/BTNMT và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành khác có liên quan.

b) Về xử lý bụi, khí thải

- Từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: lắp đặt ống thông hơi D200 mm, dẫn mùi phát sinh từ khu vực này vào hệ thống xử lý khí thải (tháp hấp phụ) để xử lý. Thông số thiết kế của tháp như sau:

+ Số lượng: 1 tháp

+ Kích thước: 500 mm × 800 mm × 2.800 mm

+ Vật liệu hấp phụ: than hoạt tính

+ Vị trí: phía trên hệ thống xử lý nước thải, sàn tầng hầm 2.

Khí thải sau khi qua tháp hấp phụ sẽ theo đường ống D200 đưa lên mái, cao hơn mái 0,7 m. Than hoạt tính định kỳ 6 tháng được thay thế một lần, sau khi thay thế sẽ được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại.

- Từ các khu vực lưu giữ chất thải rắn: bố trí hệ thống quạt hút cưỡng bức để thông gió.

- Từ bếp của các căn hộ chung cư: lắp đặt hệ thống hút khí thải nhà bếp để thu gom và thải khí ngang đưa ra bên ngoài thông qua các cửa gió tại mỗi căn hộ.

- Từ 05 máy phát điện dự phòng: lắp đặt 10 ống khói D300 mm để thu gom khí thải thoát ra ngoài môi trường. Vị trí xả khí thải tại tầng 8, hướng phía Tây của công trình.

c) Về thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại rác tại nguồn theo Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 11 tháng 04 năm 2019 của UBND thành phố về ban hành kế hoạch triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025.

- Thực hiện thu gom và lưu giữ riêng đối với chất thải nguy hại.

- Lắp đặt các thiết bị lưu chứa rác thải sinh hoạt, chất thải nguy hại riêng biệt với số lượng và quy cách theo quy định đảm bảo thực hiện phân loại.

- Xây dựng phòng lưu chứa chất thải rắn thông thường tập trung có diện tích 85 m² tại tầng hầm B1.

- Xây dựng phòng chứa chất thải nguy hại tập trung có diện tích 10 m² tại tầng hầm B1.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn, chất thải nguy hại xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, lưu giữ và xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh tại Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT và các quy định hiện hành khác có liên quan.

d) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khác

- Ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

+ Xây dựng nội quy về giờ giấc và phương án tổ chức phương tiện đưa, đón khách hợp lý để giảm thiểu tiếng ồn từ phương tiện giao thông.

+ Thường xuyên kiểm tra các thông số kỹ thuật của các bơm, quạt gió, định kỳ bôi trơn, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị đúng chế độ.

+ Các máy phát điện dự phòng bố trí tại khu vực riêng được cách âm; chân đế, bệ máy được gia cố bằng bê tông và lắp đặt các đệm chống rung.

+ Bố trí diện tích cây xanh đảm bảo quy định hiện hành.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

- Ô nhiễm do nước mưa chảy tràn: xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng tại dự án.

đ) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải, khí thải

- Tính toán kích thước bể phù hợp với công suất thiết kế của nước thải. Kết cấu công trình đảm bảo tiêu chuẩn không để nước thải rò rỉ làm ảnh hưởng đến mạch nước ngầm.

- Đường ống công nghệ, hệ thống điện động lực và điều khiển của từng hạng mục được thiết kế độc lập, đảm bảo khi tiến hành tháo lắp, sửa chữa thiết bị hư hỏng không làm ảnh hưởng đến các thiết bị khác.

- Bố trí cán bộ kỹ thuật được đào tạo về chuyên ngành môi trường, có chuyên môn và kinh nghiệm để quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải.

- Lập sổ nhật ý vận hành hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải để theo dõi, kiểm tra.

- Lắp đặt các thiết bị, máy móc dự phòng cho hệ thống xử lý.

- Xây dựng chương trình vận hành chi tiết hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải phù hợp, đảm bảo thông tin trong quá trình vận hành được kết nối thông suốt từ nhân viên vận hành đến bộ phận quản lý.

- Trong quá trình vận hành thường xuyên tổ chức vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị định kỳ để kịp thời phát hiện và xử lý các dấu hiệu có khả năng dẫn đến xảy ra sự cố.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, không xả nước thải, khí thải chưa đạt yêu cầu ra nguồn tiếp nhận.

IV. DANH MỤC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHÍNH CỦA DỰ ÁN

1. Các công trình bảo vệ môi trường chính trong giai đoạn triển khai xây dựng

TT	Công trình bảo vệ môi trường	Thời gian hoàn thành/thực hiện
I	Về thu gom và xử lý nước thải	
1	Hệ thống thu gom nước thải; công trình lắng nước thải	Hoàn thành trước khi triển khai xây dựng và thực hiện trong suốt quá trình thi công
2	Nhà vệ sinh di động	Hoàn thành trước khi triển khai xây dựng và thực hiện trong suốt quá trình thi công
3	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	Hoàn thành trước khi triển khai xây dựng và thực hiện trong suốt quá trình thi công
II	Về xử lý bụi, khí thải	
1	Lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe vận chuyển được rửa sạch bùn đất dính bám trước khi ra khỏi công trường	Thực hiện trong suốt quá trình thi công
2	Lắp đặt hàng rào che chắn khu vực thi công cao 3 m, có kết cấu chắc chắn, kín khít	Hoàn thành trước khi triển khai xây dựng và thực hiện trong suốt quá trình thi công
III	Về thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại	
1	Khu vực tập kết chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại	Thực hiện trong suốt quá trình thi công
2	Thiết bị lưu chứa chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại	Thực hiện trong suốt quá trình thi công

2. Các công trình bảo vệ môi trường chính sẽ được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định

TT	Công trình bảo vệ môi trường	Thời gian hoàn thành/thực hiện
1	Về xử lý bụi, khí thải	
1	- Khí thải máy phát điện dự phòng: lắp đặt 10 ống khói D300 mm để thu gom khí thải thoát ra ngoài môi trường. Vị trí xả khí thải tại tầng 8, hướng phía Tây của công trình. - Khí thải, mùi từ hệ thống xử lý nước thải: lắp đặt tháp hấp phụ, khí thải sau xử lý theo ống thông hơi D200 đưa lên mái tòa nhà, chiều cao ống thông hơi hơn mái 0,7m. - Trồng cây xanh xung quanh dự án	Hoàn thành trước khi dự án đi vào vận hành
II	Về thu gom và xử lý nước thải, nước mưa	
1	Hệ thống thu gom nước thải, nước mưa riêng biệt	Hoàn thành trước khi dự án đi vào vận hành

2	Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt, bể tách mỡ	Hoàn thành trước khi dự án đi vào vận hành
3	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 810 m ³ /ngày đêm	Hoàn thành trước khi dự án đi vào vận hành
III	Về thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại	
1	Khu vực lưu chứa riêng chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định	Hoàn thành trước khi dự án đi vào vận hành
2	Thiết bị lưu chứa chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định	Hoàn thành trước khi dự án đi vào vận hành

V. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án

a) Giám sát môi trường không khí

- Các thông số giám sát: bụi, tiếng ồn, độ rung;

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại cổng ra vào dự án phía đường Võ Nguyên Giáp.

+ 01 điểm tại khu vực trung tâm dự án đang thi công.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt thời gian thi công.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Độ rung.

b) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

2. Trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

a) Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí đầu vào và 01 vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: lưu lượng nước thải; pH; BOD₅; TSS; tổng chất rắn hòa tan; amoni; sunfua; nitrat; phosphat; dầu mỡ động, thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt; tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần và đột xuất khi có sự cố môi trường hoặc kiến nghị, phản ánh.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ

thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt - cột B.

b) Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

VI. CÁC ĐIỀU KIỆN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về xây dựng, đất đai và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai của dự án, đảm bảo không gây tác động xấu đến môi trường.

2. Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường đã được phê duyệt đảm bảo đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường để không gây ô nhiễm trong giai đoạn vận hành của dự án.

3. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động xấu đến giao thông đường bộ, hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực, các công trình xung quanh dự án, đảm bảo không gây sạt lở, sụt lún trong quá trình thi công dự án.

4. Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng; thực hiện công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công và khu vực đất tạm chiếm dụng, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường ngay sau khi kết thúc thi công.

5. Các công trình thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác của dự án cần tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, đảm bảo thu gom, xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường Việt Nam hiện hành trước khi thải ra môi trường, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường khu vực.

6. Thu gom, xử lý toàn bộ nước mưa, nước thải phát sinh trong quá trình thi công, vận hành dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện biện pháp kiểm soát các nguồn nước thải trong giai đoạn vận hành, đảm bảo toàn bộ nước thải được thu gom triệt để, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường Việt Nam trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

7. Đảm bảo kiểm soát, quản lý chặt chẽ các loại chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường có liên quan trong giai đoạn triển khai xây dựng; phải có phương án cụ thể thu gom, tập kết và thải bỏ các loại chất thải rắn phát sinh từ quá trình xây dựng vào những địa điểm được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

8. Phối hợp với chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư trong quá trình triển khai dự án; quản lý chặt chẽ, thực hiện các biện pháp giáo dục nâng cao

nhận thức cho lực lượng thi công xây dựng, người dân và cán bộ, công nhân viên của dự án về bảo vệ môi trường.

9. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động, các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình vận hành dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

10. Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố hệ thống xử lý chất thải, rủi ro và sự cố môi trường khác trong toàn bộ các hoạt động của dự án, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường và khu dân cư xung quanh.

11. Xây dựng và thực hiện nghiêm chỉnh chương trình giám sát, theo dõi các hoạt động của hệ thống thoát nước, công trình xử lý chất thải khu vực dự án; sớm phát hiện và có biện pháp ngăn chặn, khắc phục các tác động tiêu cực, bảo đảm không ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường và công trình lân cận. Trường hợp phát hiện sự cố bất thường phải báo cáo cơ quan chức năng để kịp thời kiểm tra, xử lý.

12. Thực hiện quan trắc, báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

13. Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.

14. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của dự án trước khi triển khai dự án tại UBND phường Phước Mỹ theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện quy hoạch xây dựng, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đảm bảo theo quy định của pháp luật.

16. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.